TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:48/2026/HS-ST
Ngày 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi.

Ông Hà Công Thắng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên toà*:** Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Giàng A C, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1991, tại xã M, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân/CCCD: 0150910xxx; nơi thường trú: Thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Vàng C1 và bà Vàng Thị L; có vợ là Lý Thị C2; có 05 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/9/2025, tạm giam ngày 28/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L. Có mặt.

2. Giàng Páo L1, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/8/1990, tại xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân/CCCD 0150900xxx; nơi thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A T (đã chết) và bà Giàng Thị S; có vợ là Phàng Thị S1; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 21/9/2025, tạm giữ ngày 22/9/2025, tạm giam ngày 28/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L. Có mặt.

3. Mùa A D, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/02/2001, tại xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân/CCCD 01520100xxx; nơi thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A C3 (đã chết) và bà Giàng Thị D1; có vợ là Giàng Thị G (đã ly hôn); có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2022); Tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 25/QĐ-TA ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái cũ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 20 tháng, Mùa A D chưa thi hành.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 21/9/2025, tạm giữ ngày 22/9/2025, tạm giam ngày 28/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L. Có mặt.

Người bào chữa của các bị cáo Giàng A C, Giàng Páo L1, Mùa A D:

Bà Nguyễn Thị D2- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phàng Thị S1, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Lý A H, sinh năm 1988, địa chỉ Mý Háng T1, xã M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 21/9/2025, tổ công tác của Công an xã M, tỉnh Lào Cai đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại khu vực thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai phát hiện, bắt quả tang Giàng Páo L1 và Mùa A D đang điều khiển chiếc xe mô tô mang biển số 21G1-15301 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi quần bên trái đang mặc của Giàng Páo L1 01 (một) gói nilon màu trắng, buộc túm một đầu bên trong có chứa chất bột nén màu trắng và chất bột nén màu hồng; tại túi quần phía sau bên phải L1 đang mặc số tiền 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010136 mang tên Giàng Páo L1 và 01 (một) xe mô tô biển số 21G1-15301. Thu giữ tại túi quần bên phải Dà đang mặc 01 (một) gói nilon màu trắng, buộc túm một đầu, bên trong có chứa các cục chất bột nén màu trắng và chất bột nén màu hồng. Giàng Páo L1 và Mùa A D khai nhận số chất bột nén màu trắng, màu hồng trên là H1 và hồng phiến L1 và D cất giấu nhằm mục đích để sử dụng

Kết quả điều tra xác định: L1 và D đều là những người nghiện ma túy. Cả hai đã cùng mua ma túy của Giàng A C ở thôn M, xã M 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 19/9/2025, Giàng Páo L1 điều khiển xe mô tô biển số 21G1-15301 chở Mùa A D ngồi phía sau đi đến khu vực thôn M, xã M để tìm mua ma túy. Tại đây, L1 và D gặp và hỏi một người nam giới dân tộc Mông (không rõ họ tên, địa chỉ) xem có biết ai bán ma túy không thì được người này chỉ đường đến nhà Giàng A C. Khi đến khu vực cổng nhà C, L1 và D hỏi mua ma túy, mỗi người đưa cho C 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. C nhận tiền, đi vào trong nhà, khoảng 20 phút sau quay ra và đưa cho L1 và D mỗi người 01 gói ma túy được bọc bằng túi nilon. Sau khi mua được ma túy, cả hai đã sử dụng hết số ma túy này cho bản thân.

Lần thứ hai: Trưa ngày 21/9/2025, Giàng Páo L1 và Mùa A D tiếp tục rủ nhau đến nhà Giàng A C để mua ma túy. Giàng Páo L1 vẫn là người điều khiển xe mô tô biển số 21G1-15301 chở Mùa A D ngồi phía sau đi đến nhà C. Tại khu vực cổng nhà, L1 và D mỗi người đưa cho C số tiền 150.000 đồng (gồm 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng). Sau khi nhận tiền, C đi vào trong nhà, khoảng 30 phút sau quay ra, mang theo 02 cục heroin và một số mảnh ma túy tổng hợp, rồi chia cho L1 và D mỗi người một nửa. Sau khi mua được ma túy, L1 và D đã sử dụng một phần số ma túy này cho bản thân, số còn lại cất giấu sau đó bị bắt quả tang.

Căn cứ lời khai của Giàng Páo L1 và Mùa A D về việc mua hai lần ma túy của Giàng A C. Ngày 22/9/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Giàng A C để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, C chỉ thừa nhận đã bán ma túy cho L1 và D một lần vào ngày 21/9/2025 như nêu trên. Đồng thời khai nhận nguồn gốc số ma túy có để bán là C mua vào ngày 09/9/2025 của một người nam giới dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi, không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 200.000 đồng tại khu vực nghĩa trang xã M thuộc thôn M, xã M.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Giàng A C, thu giữ tại mặt bàn kê ở gian giữa nhà của C 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng số IMEI 1: 862480061866803, cũ đã qua sử dụng và số tiền 350.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Giàng Páo L1, Mùa A D không phát hiện thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại biên bản xét nghiệm ma túy ngày 22/9/2025 đối với Giàng A C- kết quả Giàng A C âm tính với ma túy; tại biên bản xét nghiệm ma túy ngày 21/9/2025 đối với Giàng Páo L1 và Mùa A D đều cho kết quả L1 và D dương tính với chất ma túy.

* Tại Kết luận giám định số 595/KL-KTHS ngày 25/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh L đối với mẫu giám định là vật chứng thu giữ khi bắt quả táng Giàng Páo L1 và Mùa A D ngày 21/9/2021, đã kết luận:

+ Chất bột nén màu trắng trong gói giấy màu trắng ghi số 1 trong phong bì niêm phong, ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,48 gam.

+ Chất bột nén màu hồng trong gói giấy màu trắng ghi số 1 trong phong bì niêm phong, ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loai Methamphetamine, có khối lượng là 0,02 gam.

+ Chất bột nén màu trắng trong gói giấy màu trắng ghi số 2 trong phong bì niêm phong, ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,3 gam.

+ Chất bột nén màu hồng trong gói giấy màu trắng ghi số 2 trong phong bì niêm phong, ký hiệu M4 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,01 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 599/KL-KTHS ngày 25/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ; 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKS- KV4 ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai truy tố Giàng A C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (BLHS), truy tố Giàng Páo L1 và Mùa A D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố về tội danh đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX), xem xét tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Giàng A C do tại quá trình điều tra bị cáo chỉ thừa nhận một lần bán ma túy ngày 21/9/2025 nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi đã hai lần bán ma túy cho bị cáo D và Lầu các ngày 19 và 21/9/2025. Đề nghị

Tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", về hình phạt đề nghị áp dụng điểm các b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Giàng Páo L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", về hình phạt áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Páo L1 từ 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù;

Tuyên bố bị cáo Mùa A D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", về hình phạt áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mùa A D từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù;

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; về vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy 0,58 gam Heroine (sau khi trích mẫu giám định) và 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, 02 mảnh nilon và 02 mảnh giấy; truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Giàng A C do bán ma túy cho mà có; trả cho Giàng A C 01 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng và số tiền 350.000 đồng; trả lại cho Giàng Páo L1 và chị Phàng Thị S1 01 xe mô tô 21G1-153.01 và 01 giấy

chứng nhận đăng ký xe mang tên Giàng Páo L1, trả lại cho Giàng Páo L1 số tiền 160.000 đồng; về án phí: Bị cáo C thuộc hộ nghèo, bị cáo D thuộc hộ cận nghèo, bị cáo L1 là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có yêu cầu xin miễn án phí do đó đề nghị miễn án phí cho các bị cáo; đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, các bị cáo đều có đề nghị miễn án phí và không tranh luận gì với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo cơ bản nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giàng A C 07 năm tù, bị cáo Giàng Páo L1 03 năm tù; bị cáo Mùa A D 03 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai, tài liệu của người này. Bị cáo L1 công nhận lời khai của người được công bố là đúng và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập đến phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Phàng Thị Sầu . Tại phiên tòa chị S1 vắng mặt không lý do. Trong giai đoạn điều tra vụ án đã có lời khai, đơn đề nghị của chị S1 thể hiện trong hồ sơ. Do đó, HĐXX vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng Páo L1, Mùa A D và Giàng A C khai nhận hành vi của mình phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Giàng Páo L1, Mùa A D và Giàng A C phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ, đủ cơ

sở kết luận: Vào các ngày 19/9/2025 và 21/9/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Giàng Páo L1 và Mùa A D đã rủ nhau mua ma túy của Giàng A C để sử dụng. Ngày 19/9/2025 L1 và D mua mỗi người 100.000 đồng ma túy, cả hai đã sử dụng hết. Ngày 21/9/2025, L1 và D mua mỗi người 150.000 đồng ma túy, số ma túy này các bị cáo đã sử dụng một phần, phần còn lại đang cất giữ thì bị phát hiện bắt quả tang; vật chứng thu giữ của Giàng Páo L1 gồm 0,48 gam Heroine và 0,02 gam Methamphetamine, của Mùa A D gồm 0,3 gam Heroine và 0,01 gam Methamphetamine. Các bị cáo Giàng Páo L1 và Mùa A D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng, nên hành vi đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Giàng A C: Do hám lợi, ngày 19/9/2025 bị cáo đã cùng lúc bán trái phép chất ma túy (Heroine và Methamphetamine) cho Giàng Páo L1 và Mùa A D, mỗi người một gói với giá 100.000 đồng/người; đến ngày 21/9/2025, bị cáo tiếp tục cùng lúc bán ma túy cho hai người này với giá 150.000 đồng/người. Số ma túy dùng để bán bị cáo khai mua ngày 09/9/2025 của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ họ tên, địa chỉ tại khu vực nghĩa trang xã M với giá 200.000 đồng. Bị cáo Giàng A C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận vẫn cố ý thực hiện; hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với các tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Đối với 02 người trở lên" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKS-KV4 ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Giàng A C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Giàng Páo L1 và Mùa A D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo Giàng Páo L1 và Mùa A D cùng rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng, có sự thống nhất ý chí nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", cả hai đều là người thực hành. Tuy nhiên cần phân hóa vai trò: bị cáo L1 là người khởi xướng, điều khiển xe chở D đi mua ma túy, có hành vi tích cực hơn, đồng thời lượng ma túy của bị cáo L1 (0,5 gam) tàng trữ nhiều hơn bị cáo D (0,31 gam). Do đó, L1 giữ vai trò hơn bị cáo D.

Đối với bị cáo Giàng A C, hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo là hành vi độc lập với hành vi của bị cáo L1 và bị cáo D, nên phải chịu trách nhiệm hình sự riêng biệt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến những quy định của Đảng và Nhà nước trong việc sản xuất, quản lý và sử dụng chất ma túy. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo L1 và D đã thành khẩn khai báo đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình. Ngay khi bị phát hiện bắt quả tang các bị cáo L1 và D đã khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa các bị cáo với bị cáo Giàng A C, thể hiện sự tích cực, hợp tác với cơ quan điều tra trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án phát hiện thêm tội phạm mới. Đây là các tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”,* “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”* quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS được áp dụng cho bị cáo L1 và D; bị cáo Giàng A C có 05 con nhỏ dưới 15 tuổi; bị cáo Mùa A D có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi và đều là các gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng cho bị cáo C và D.

Đối với bị cáo Giàng A C: Quá trình điều tra, bị cáo Giàng A C chưa thừa nhận đầy đủ hành vi phạm tội; tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thay đổi lời khai, khai báo đầy đủ, đúng sự thật về diễn biến hành vi phạm tội, thừa nhận toàn bộ việc mua bán trái phép chất ma túy trong cả hai lần bán cho Giàng Páo L1 và Mùa A D vào các ngày 19 và 21/9/2025, thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, HĐXX cân nhắc, xem xét áp dụng cho bị cáo Chu tình T2 giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Giàng A C không có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tương đối tốt; bị cáo L1 chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên bị cáo L1 là người sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo D có 01 tiền sự năm 2025 bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái cũ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 20 tháng, Mùa A D chưa thi hành, thể hiện các bị cáo L1 và D là người có nhân thân chưa tốt.

[5] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm đối với từng bị cáo, để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật, đồng thời đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa phạm tội ma túy. Xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết của vụ án nên được HĐXX chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa, xét thấy khối lượng tàng trữ ma túy của bị cáo Giàng Páo L1, Mùa A D lần lượt là gồm 0,5 gam và 0,31 gam Heroine và M, bị cáo Giàng A C hai lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, mỗi lần bán cho hai người, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy tại địa phương, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng

và phòng ngừa chung. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp của người bào chữa đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại các biên bản xác minh và tại phiên tòa thể hiện bị cáo Giàng A C thuộc hộ nghèo, bị cáo Mùa A D thuộc hộ cận nghèo, bị cáo Giàng Páo L1 là người sử dụng trái phép chất ma túy, bản thân không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án:

+ 0,03 gam Methamphetamine thu giữ của L1 và D, Cơ quan giám định đã sử dụng làm mẫu vật giám định hết không hoàn lại.

+ 0,78 gam Heroine thu giữ khi bắt quả tang của L1 và D đã trích 0,2 gam sử dụng làm mẫu vật giám định không hoàn lại, còn lại 0,58 gam Heroine được niêm phong trong phong bì do phòng K Công an tỉnh L phát hành là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định pháp luật;

+ 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, 02 mảnh nilon, 02 mảnh giấy là những vật liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định pháp luật.

+ 01 xe mô tô màu sơn đen đã qua sử dụng, BKS 21G1-153.01 và 01 đăng ký xe mô tô số 010136 thu giữ của bị cáo Giàng Páo L1. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của bị cáo Giàng Páo L1 và vợ là chị Phàng Thị Sầu . Khi bị cáo L1 sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy thì chị S1 không biết, không tham gia và không liên quan đến hành vi phạm tội. Chiếc xe là phương tiện đi lại, phục vụ sinh hoạt thiết yếu của gia đình, gia đình bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có thu nhập ổn định, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết tịch thu sung quỹ Nhà nước mà trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Phàng Thị S1 và bị cáo Giàng Páo L1 thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

+ 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, số IMEI 1 862480061866803 thu giữ của Giàng A C, quá trình điều tra xác định điện thoại không có liên quan đến tội phạm, là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo C.

+ Số tiền 350.000 đồng tiền thu giữ của bị cáo Giàng A C, quá trình điều tra xác minh là tiền của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên HĐXX trả lại cho bị cáo C số tiền này.

+ Số tiền 160.000 đồng tiền thu giữ của bị cáo Giàng Páo L1, quá trình điều tra xác minh là tiền của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên HĐXX trả lại cho bị cáo L1 số tiền này.

+ Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền hai lần bị cáo Giàng A C bán ma túy L1 và Dà bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Giàng A C số tiền 500.000 đồng.

+ Đối với dụng cụ sử dụng ma túy (mảnh giấy bạc, bật lửa, vỏ gói ma túy) mà các bị cáo L1 và D dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, sau khi sử dụng xong bị

cáo đã vứt bỏ, cơ quan điều tra không thu hồi được nên HĐXX không xem xét xử lý.

[7] Về vấn đề khác:

- Về nguồn gốc số ma túy có để bán, Giàng A C khai đã mua ma túy của người đàn ông dân tộc mông không biết tên, địa chỉ ở khu vực nghĩa trang đầu thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai. Do không xác định được nhân thân, lai lịch người bán nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với khối lượng ma túy bị cáo C đã mua về bán cho Giàng Páo L1 và Mùa A D, bị cáo khai không tiến hành cân nên không xác định được khối lượng cụ thể. Do số ma túy này đã được các bị cáo L1 và D sử dụng một phần, phần còn lại bị thu giữ khi bắt quả tang và đã được trưng cầu giám định, nên Hội đồng xét xử xác định khối lượng chất ma túy đã được giám định để xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án.

- Ngày 21/9/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Giàng Páo L1 và Mùa A D kết quả dương tính với ma túy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của L1 và Dà không thuộc các trường hợp cấu thành tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra công an tỉnh L đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi này của L1 và D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo C thuộc hộ nghèo, bị cáo D thuộc hộ cận nghèo, bị cáo L1 là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo và người bào chữa có đề nghị miễn án phí. HĐXX xét miễn án phí cho các bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Giàng Páo L1 và Mùa A D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Giàng A C 08** (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/9/2025.

- Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; các điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Giàng Páo L1 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt người phạm tội quả tang ngày 21/9/2025.

- Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; các điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mùa A D 03** (ba) năm **04** (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt người phạm tội quả tang ngày 21/9/2025.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 0,58 gam Heroine (sau khi trích mẫu giám định) được niêm phong trong phong bì do phòng K Công an tỉnh L phát hành; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, 02 mảnh giấy, 02 mảnh nilon.

- Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Giàng A C.

- Trả lại cho bị cáo Giàng A C 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, số IMEI 1 862480061866803 và số tiền 350.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Giàng Páo L1 số tiền 160.000 đồng (một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Giàng Páo L1 và chị Phàng Thị S1 01 xe mô tô màu sơn đen đã qua sử dụng, BKS 21G1-153.01 và 01 đăng ký xe mô tô số 010136.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/01/2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng A C, Giàng Páo L1, Mùa A D.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lưu Hoa Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Hải Quan tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 4 - Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CA tỉnh Lào Cai;
- Phòng HS Nghiệp vụ, CA tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS Khu vực 4- Lào Cai;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Lao Chải; Mù Cang Chải;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.